

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 67/2020/HS-ST

Ngày 13 - 5 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Đình Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Bà Hoàng Thị Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Bê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T; tên gọi khác: Không, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1967 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã V, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Không; Con ông Vũ Văn M, sinh năm 1928 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937 (đã chết); có vợ Trần Thị S, sinh năm 1971 và có 03 người con, con lớn sinh năm 1995; con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích và chưa bị xử lý hành chính và bị xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

2. Phạm Văn Q; tên gọi khác: Không, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1986 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 8\*, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; Con ông Phạm Văn L, sinh năm 1958 và con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1961; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền án, tại Bản án số 63/HSST ngày 10/3/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 14 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, ngày 03/5/2015 đã chấp hành xong hình phạt chính và đã thi

hành xong phần bồi thường dân sự, án phí (đã được đương nhiên xóa án tích); về việc xử lý hành chính và bị xử lý kỷ luật, chưa bị xử lý lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

3. Hoàng Văn K; tên gọi khác: Không, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1977 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1947 (đã chết năm 1979) và bà La Thị C, sinh năm 1952; có vợ là Nông Bích H, sinh năm 1968 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015; con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích và chưa bị xử lý hành chính và bị xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

4. Phạm Văn H; tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1979 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm \*, xã N, huyện A, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1951 và con bà Vũ Thị B, sinh năm 1954; có vợ là Trịnh Thị N, sinh năm 1982 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2002; con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích và chưa bị xử lý hành chính và bị xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

5. Vũ Văn P; tên gọi khác: Không, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1982 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 1\*\*, ngõ 2\*\*, đường P, phường K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn Q, sinh năm 1958 (đã chết năm 2010) và con bà Phạm Thị C, sinh năm 1957 có vợ là Hoàng Thị K, sinh năm 1986 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2007; con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích và chưa bị xử lý hành chính và bị xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu 1, thôn D, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 00 phút, ngày 30/12/2019, tại xướng nhòm kính Hoàng Tám của ông Hoàng Văn Đ tại thôn I, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang Vũ Văn T, Phạm

Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H và Vũ Văn P đang có hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền với hình thức chơi “liêng”.

Thu trên chiếu bạc 8.020.000 đồng, 52 quân bài tú lơ khơ, 01 tấm thảm màu đỏ, đã qua sử dụng; thu tại khu vực cổng nước của xưởng 1.700.000 đồng. Tạm giữ trên người và trong ví của các bị cáo tổng số tiền 7.950.000 đồng.

Cùng ngày, Cơ quan Công an tiến hành khám xét tại xưởng nhà ông Hoàng Văn Đ, thu giữ: 01 hộp bài tú lơ khơ loại 52 quân bài, bên trong có 07 bộ bài còn nguyên; 01 vỏ hộp bài tú lơ khơ bị rách; 02 bộ tú lơ khơ đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 15 giờ ngày 30/12/2019, Vũ Văn T, Vũ Văn P, Phạm Văn H đến xưởng nhôm kính của ông Hoàng Văn Đ chơi. Tại đây, Vũ Văn T rủ Vũ Văn P và Phạm Văn H đánh bài ăn tiền thì cả hai đồng ý. Sau đó cả ba người đi vào gian phòng ngủ, sử dụng bộ tú lơ khơ đã có sẵn trong phòng để đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh “Liêng”.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn Q và Hoàng Văn K đến và cùng tham gia đánh bạc. Mỗi ván, các đối tượng thỏa thuận, người chơi bỏ ra 10.000 đồng đặt vào giữa gọi là tiền “nước” và sử dụng toàn bộ 52 quân bài chia cho mỗi người 03 quân bài bất kỳ, bài ai có điểm cao hơn thì sẽ được lấy hết toàn bộ số tiền nước. Ngoài ra, người chơi có thể tổ nhau tiền từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Cách tính điểm được sắp xếp từ cao xuống thấp như sau: Sáp, liêng, tranh ảnh, điểm số. Sáp là cách tính mà trong đó 03 quân bài giống nhau, sáp cao nhất là bài có ba quân A (át) “A:A:A”, sáp thấp nhất là bài có ba quân “2:2:2”. Liêng là bài có ba quân bài liên tiếp nhau như “A:2:3”, liêng cao nhất là bài có ba quân “Q:K:A”, liêng thấp nhất là “A:2:3”. Trong liêng có liêng đồng chất và liêng thường, liêng đồng chất là bài có ba quân liên tiếp nhau có cùng một chất như cơ, dỏ, pích, nhép, liêng thường là bài có ba quân liên tiếp bất kỳ. Tranh ảnh là bài có ba quân hình đầu người và có hai quân bài giống nhau, tranh ảnh cao nhất là bài có ba quân “Q:Q:K”, thấp nhất là “J:J:Q”. Cuối cùng là cách tính điểm cộng của ba quân bài lại với nhau, 9 điểm là điểm cao nhất và 0 là điểm thấp nhất. Khi các đối tượng trên đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị lực lượng Công an bắt quả tang như đã nêu trên.

Khi bị bắt quả tang, Cơ quan Công an thu giữ trên chiếu bạc 8.020.000 đồng là số tiền Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H, Vũ Văn P sử dụng để đánh bạc.

Đối với số tiền 1.700.000 đồng thu giữ ở cổng nước, xác định là của Vũ Văn T dùng để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang, Vũ Văn T đã cầm trên chiếu và ném xuống cổng nước.

Kiểm tra các đối tượng đã thu giữ:

Vũ Văn T 4.000.000 đồng thu trong ví; Vũ Văn T khai số tiền này để trả tiền vật liệu xây dựng, nếu thua sẽ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Phạm Văn Q 2.300.000 đồng, ở trong túi áo khoác; Phạm Văn Q khai, số tiền trên đã lấy ra khỏi ví, đang cầm trên tay để chuẩn bị đánh bạc tiếp, khi lực lượng Công an đến Phạm Văn Q đã bỏ vào túi áo khoác.

Hoàng Văn K 300.000 đồng thu trong ví; Hoàng Văn K khai nếu thua sẽ lấy ra để đánh bạc.

Phạm Văn H 1.350.000 đồng thu trong túi áo khoác; Phạm Văn H khai đây là tiền đánh bạc thắng nên đã cất vào túi áo khoác.

Quá trình điều tra, xác định được 4.000.000 đồng của Vũ Văn T không dùng vào việc đánh bạc, còn lại số tiền của các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H, Vũ Văn P sử dụng vào mục đích đánh bạc gồm: Thu giữ trên chiếu bạc 8.020.000 đồng cộng với 1.700.000 đồng thu giữ ở cổng nước là của Vũ Văn T; 1.350.000 đồng thu trong túi áo khoác của Phạm Văn H; 300.000 đồng thu trong ví của Hoàng Văn K; 2.300.000 đồng ở trong túi áo khoác của Phạm Văn Q, tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 13.670.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để xét xử đối với các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H và Vũ Văn P về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phần tranh luận;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H và Vũ Văn P phạm tội Đánh bạc; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 và Vũ Văn T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Văn H và Vũ Văn P, xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng; Hoàng Văn K từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng; Phạm Văn H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng và Vũ Văn P từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn Q và xử phạt từ 09 đến 12 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, do các bị cáo không có tài sản riêng. Về vật chứng, áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ; 01 hộp bài tú lơ khơ loại 52 quân bài, bên trong có 07 bộ còn nguyên; 01 vỏ hộp bài tú lơ khơ bị rách; 02 bộ tú lơ khơ đã qua sử dụng; trả lại cho ông Hoàng Văn Đ 01 tấm thảm màu đỏ, đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Vũ Văn T 4.000.000

đồng do không liên quan đến việc phạm tội; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 13.670.000 đồng do sử dụng vào việc phạm tội và các bị cáo phải chịu áp phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hồi 15 giờ 00 phút, ngày 30/12/2019, tại xưởng nhôm kính Hoàng Tám của ông Hoàng Văn Đ, địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H và Vũ Văn P đang có hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền. Thu giữ 13.670.000 đồng, việc đánh bạc sát phạt nhau giữa các bị cáo là Nhà nước nghiêm cấm, mặc dù biết là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thu bằng tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, đối chiếu với hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo với số tiền đánh bạc 13.670.000 đồng là đã đủ sơ sở kết luận các bị cáo phạm tội Đánh bạc. Nhận thấy cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội và việc quản lý hành chính Nhà nước, ảnh hưởng đến an toàn xã hội. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và các bị cáo Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Văn H, Vũ Văn P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài ra bị cáo Vũ Văn T có bố đẻ là ông Vũ Văn M được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì và mẹ đẻ được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, các bị cáo Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Văn H, Vũ Văn P được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và bị cáo Vũ Văn T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Phạm Văn Q chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do trước đó bị cáo có 01 tiền án đã được

đương nhiên xóa án tích nên phạm tội lần này không được coi là phạm tội lần đầu.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Văn H và Vũ Văn P không có tiền án, tiền sự và chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật, có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ công dân và chính sách pháp luật của Nhà nước, đối với bị cáo Phạm Văn Q có 01 án tích về tội Trộm cắp tài sản đã được đương nhiên xóa án tích, nhưng cho thấy bị cáo là người không chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước. Do đó, đây cũng là tình tiết xem xét khi áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Đánh giá về vai trò của từng bị cáo, nhận thấy: Bị cáo Vũ Văn T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác, tuy nhiên bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo còn lại là người đồng phạm thực hành có vai trò ngang nhau. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo ngang nhau là đúng quy định và phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung, qua xác minh các bị cáo không có tài sản riêng. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Vật chứng gồm: 52 quân bài tú lơ khơ; 01 hộp bài tú lơ khơ loại 52 quân bài, bên trong có 07 bộ còn nguyên; 01 vỏ hộp bài tú lơ khơ bị rách; 02 bộ tú lơ khơ đã qua sử dụng là vật sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để tiêu hủy; số tiền 13.670.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 tấm thảm màu đỏ, đã qua sử dụng và 4.000.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu.

[9] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát luận tội bị cáo và đề nghị giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là đúng pháp luật, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được tổng đạt các văn bản quyết định tố tụng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đều có giá trị pháp lý.

[11] Quá trình điều tra xác định thời điểm các đối tượng đánh bạc, ông Hoàng Văn Đ có mặt ở tại nhà, biết Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H và Vũ Văn P đánh bạc nhưng không tố giác. Hành vi của ông Hoàng Văn Đ chưa đủ căn cứ khởi tố, Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn Đ.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 61; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 61; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án áp dụng đối với các bị cáo Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Văn H, Vũ Văn P, riêng bị cáo Vũ Văn T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 61; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án áp dụng đối với bị cáo Phạm Văn Q.

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H và Vũ Văn P phạm tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân để giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt để đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân để giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân để giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn P 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Văn H, Vũ Văn P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

## 2. Về tang vật xử lý như sau:

- Tịch thu để tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ; 01 hộp bài tú lơ khơ loại 52 quân bài, bên trong có 07 bộ còn nguyên; 01 vỏ hộp bài tú lơ khơ bị rách; 02 bộ tú lơ khơ đã qua sử dụng;

- Trả lại cho ông Hoàng Văn Đ 01 tấm thảm màu đỏ đã qua sử dụng;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 13.670.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*);

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn T 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

(Số tiền và tang vật nêu trên hiện đang tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn và chi tiết các vật chứng trên được ghi theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2020 giữa Công an thành phố Lạng Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Văn K, Phạm Văn H, Vũ Văn P mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

## 4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:  
SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA Dân sự TP. Lạng Sơn (Khi án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ.

**Lương Đình Phương**